

Bản án số: **09/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 15 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Giang Thành
- Bà Đoàn Thanh Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang không tham gia.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Minh D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Thị H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh An Giang.

(Anh D, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Dương Minh D trình bày:

Anh với chị Thị H quen biết, thương yêu và được gia đình hai bên chấp nhận và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang số cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/4/2011. Quá trình chung sống anh với chị có con chung tên Dương Minh K, sinh ngày 07/01/2012 và Dương Minh D1, sinh ngày 13/4/2014. Hiện nay con chung đang do anh nuôi dưỡng.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, không thể sống chung nên vợ chồng ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Thị H.
- Về con chung: Hiện nay hai con chung đang do anh nuôi dưỡng nên anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Thị H có ý kiến:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/12/2025, chị H có ý kiến: Chị đã nhận được Thông báo của Tòa án về việc anh D xin ly hôn và nuôi con chung với chị. Tuy nhiên, do sức khỏe không tốt nên chị không tham gia trong quá trình tố tụng của Tòa án và phiên tòa sơ thẩm nên chị xin Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong quá trình tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D thì chị có ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh D.
- Về con chung: Chị với anh D có hai con chung tên Dương Minh K, sinh ngày 07/01/2012 và Dương Minh D1, sinh ngày 13/4/2014. Hiện nay, con chung đang do anh D nuôi dưỡng nên chị đồng ý giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất với ý kiến anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Dương N ý kiến xin ly hôn, con chung và chia tài sản chung với chị Thị H.
- Bị đơn chị Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và chị có ý kiến đồng ý ly hôn và giao con cho anh D nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Minh D thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Thị H có địa chỉ cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân giữa anh Dương Minh D và chị Thị H tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/4/2011 nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Minh D và chị Thị H là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh D cho rằng, anh không còn tình cảm, không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau với chị H nên vợ chồng đã ly thân với nhau; mặc dù, anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được.

Đồng thời, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/12/2025, chị H thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân. Do đó, anh D yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh D có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Anh D với chị H có con chung tên Dương Minh K, sinh ngày 07/01/2012 và Dương Minh D1, sinh ngày 13/4/2014. Hiện nay, con chung đang do anh D nuôi dưỡng nên anh D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị H đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh D không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị H không cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của anh D.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Minh D được ly hôn với chị Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự của chị Thị H giao con chung Dương Minh K, sinh ngày 07/01/2012 và Dương Minh D1, sinh ngày 13/4/2014 cho anh Dương Minh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung Dương Minh K và Dương Minh D1 đã thành niên.

Chị Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị H thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Minh D không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Minh D và chị Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Dương Minh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Dương Minh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004029 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 4- An Giang

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Tú Quỳnh